Ký bởi: Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa
Email: sxd@khanhhoa.gov.vn
Cơ quan: Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa
Thời gian ký: 05.11.2015

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 32/2009/QĐ-UBND	*Nha Trang, ngày 08 tháng 5 năm 2009*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 05/2006/TT-BXD ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tư pháp, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cam Ranh, thành phố Nha

Trang; Thủ trưởng các cơ quan; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Lâm Phi

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này được áp dụng với các đối tượng sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư phát triển nhà ở xã hội tại Khánh Hòa.

2. Tổ chức, cá nhân sở hữu nhà ở, sử dụng nhà ở xã hội và tham gia giao dịch về nhà ở xã hội tại Khánh Hòa.

3. Sở Xây dựng; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Cam Ranh, thành phố Nha Trang (sau đây gọi tắt là UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là UBND cấp xã); Phòng có chức năng quản lý nhà ở các huyện, thị xã Cam Ranh, thành phố Nha Trang; Ban Quản lý Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế trên địa bàn tỉnh.

4. Tổ chức, cá nhân không quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều này nhưng có liên quan đến lĩnh vực nhà ở xã hội.

Điều 3. Quy hoạch phát triển nhà ở xã hội

1. Tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ lập quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 phải xác định quỹ đất sử dụng phát triển nhà ở xã hội.

2. Sở Xây dựng công bố quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, quỹ đất và địa điểm xây dựng đối với dự án phát triển nhà ở trên địa bàn toàn tỉnh.

3. UBND cấp huyện có trách nhiệm công bố quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, quỹ đất và địa điểm xây dựng đối với dự án phát triển nhà ở thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

4. UBND cấp xã có trách nhiệm công bố quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn và quản lý quỹ đất phát triển nhà ở xã hội thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

5. Các dự án phát triển nhà ở thương mại và khu đô thị mới có quy mô sử dụng đất từ 10 ha trở lên, chủ đầu tư có trách nhiệm dành không quá 10% diện tích đất đã được đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để thực hiện dự án nhà ở xã hội và thể hiện trong quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500.

Đối với các dự án có quy mô nhỏ hơn 10ha, tùy theo đặc điểm địa hình và khu vực, vì sự cần thiết phải có nhà ở xã hội để phục vụ nhu cầu ở cho các đối tượng công nhân viên chức nhà nước, thì Sở Xây dựng xem xét yêu cầu chủ đầu tư bố trí đất ở hợp lý để thực hiện dự án nhà ở xã hội.

Điều 4. Yêu cầu đối với dự án phát triển nhà ở xã hội

1. Đối với khu vực đô thị, dự án phát triển nhà ở xã hội phải là nhà chung cư được thiết kế bảo đảm những tiêu chuẩn chung của pháp luật về xây dựng và hệ số sử dụng đất được phép tăng lên 1,5 lần:

a) Nhà chung cư không quá 06 tầng;

b) Diện tích mỗi căn hộ không quá 60m^2 sàn, được hoàn thiện theo cấp, hạng nhà ở và không thấp hơn 40m^2 sàn;

c) Phải bảo đảm các tiêu chuẩn hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy định của từng loại đô thị.

2. Đối với khu vực nông thôn

Dự án phát triển nhà ở xã hội nông thôn phải tuân thủ quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và sử dụng đất theo quy định pháp luật, đảm bảo sự hình thành và phát triển nông thôn bền vững. Dự án phát triển nhà ở xã hội nông thôn phải gắn với phát triển hạ

tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo đảm vệ sinh môi trường, nâng cao điều kiện sống của nhân dân.

3. Đối với khu vực miền núi

Dự án phát triển nhà ở miền núi phải theo điểm dân cư tập trung phù hợp với phong tục, tập quán của từng dân tộc, đặc điểm địa lý, điều kiện tự nhiên của từng vùng, miền, tiến tới xóa bỏ du canh, du cư. Dự án phát triển nhà ở xã hội miền núi phải đi đôi với đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo đảm an toàn, vệ sinh môi trường và phải có quỹ đất dành riêng cho xây dựng nhà ở xã hội nhằm nâng cao điều kiện sống, văn hóa - xã hội của nhân dân khu vực miền núi.

4. Ngoài các khu vực quy định tại khoản 1 Điều này, khu vực khác có điều kiện thuận lợi về đất đai thì được xây dựng nhà chung cư thấp tầng hoặc nhà ở riêng lẻ nhưng phải bảo đảm chất lượng xây dựng tương ứng với nhà cấp ba trở lên và các quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này

Chương II
CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN; QUẢN LÝ VÀ THUÊ, THUÊ MUA NHÀ Ở XÃ HỘI

Điều 5. Chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội

1. UBND cấp huyện, Ban quản lý Khu Công nghiệp, Khu Kinh tế làm chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quyết định hoặc theo chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đối với dự án phát triển nhà ở xã hội sử dụng nguồn vốn từ Quỹ phát triển nhà ở, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng thống nhất phân bổ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế làm chủ đầu tư đối với dự án nhà ở xã hội khi được Nhà nước giao đất hoặc theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt và được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định hiện hành.

Điều 6. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án phát triển nhà ở xã hội

1. Lập dự án đầu tư xây dựng công trình và quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật.

2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc giai đoạn đầu tư xây dựng, chủ đầu tư phải tiến hành tổ chức lựa chọn đơn vị quản lý vận hành quỹ nhà ở xã hội theo Điều 7 Quy định này.

Điều 7. Quản lý vận hành quỹ nhà ở xã hội

1. Trường hợp có từ 02 đơn vị trở lên đăng ký tham gia quản lý, vận hành và khai thác quỹ nhà ở xã hội, việc lựa chọn đơn vị quản lý vận hành dự án thực hiện theo nguyên tắc đấu thầu.

2. Trường hợp không có đơn vị tham gia đăng ký quản lý, vận hành và khai thác quỹ nhà ở xã hội, thực hiện như sau:

a) Đối với dự án trên địa bàn thành phố Nha Trang thì Trung tâm Quản lý Nhà và Chung cư quản lý vận hành.

b) Đối với dự án trên địa bàn các huyện, thị xã Cam Ranh Phòng có chức năng quản lý nhà ở trực thuộc UBND các huyện, thị xã Cam Ranh quản lý vận hành.

c) Đối với các dự án trong Khu công nghiệp, Khu kinh tế sử dụng vốn ngân sách hoặc Quỹ phát triển nhà ở của tỉnh, thì chủ đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý vận hành hoặc bàn giao cho Trung tâm Quản lý Nhà và Chung cư quản lý vận hành.

d) Đối với dự án thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng không phải là vốn ngân sách nhà nước thì chủ đầu tư trực tiếp tổ chức quản lý vận hành.

Điều 8. Điều kiện được thuê, thuê mua nhà ở xã hội

Người được thuê, thuê mua nhà ở xã hội phải có đủ các điều kiện sau:

1. Là đối tượng quy định tại Điều 25 Nghị định số 90/2006/NĐ-CP, bao gồm:

a) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

b) Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

c) Công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu kinh tế.

d) Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ quy định tại khoản 4 Điều 40 Nghị định số 90/2006/NĐ-CP.

2. Không có nhà ở hoặc chưa được thuê và mua nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước.

3. Chưa được Nhà nước giải quyết chính sách về nhà ở, đất ở hoặc chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở, đất ở theo quy định pháp luật.

Điều 9. Thang điểm xét duyệt đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở xã hội

1. Việc lựa chọn đối tượng thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thang điểm tối đa là 100 điểm. Đối tượng nào có tổng số điểm cao hơn sẽ được ưu tiên giải quyết trước.

2. Bảng điểm:

Trường hợp	Số điểm
1. Tình trạng nhà ở của hộ gia đình:	
a) Chưa có nhà ở, đất ở.	60
b) Cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện được hưởng chính sách nhà ở công vụ nhưng đã trả lại nhà ở công vụ cho Nhà nước và có nhu cầu thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên địa bàn.	35
2. Hộ gia đình có người thuộc một trong các đối tượng sau:	
a) Đối tượng 1: - Cán bộ, công chức, viên chức có trình độ trên đại học; - Vận động viên đạt huy chương tại các giải thể thao cấp khu vực, quốc tế; - Người có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư; - Nhà khoa học là chủ nhiệm đề tài khoa học cấp quốc gia đã được áp dụng; - Người có danh hiệu: Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Nhà giáo ưu tú hoặc tương đương; - Người có huân chương.	35
b) Đối tượng 2: - Cán bộ, công chức, viên chức tốt nghiệp đại học; - Cán bộ, công chức, viên chức công tác từ 10 năm trở lên; - Sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân đang công tác từ 10 năm trở lên; - Vận động viên đạt huy chương tại các giải thể thao cấp quốc gia, Chiến sĩ thi đua toàn quốc.	30

c) Đối tượng 3: Công nhân có tay nghề bậc 5 trở lên.	25
d) Đối tượng 4: Cán bộ công chức, viên chức có thời gian công tác dưới 10 năm, công nhân làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp có tay nghề dưới bậc 5.	10
3. Hộ gia đình được cộng thêm điểm, nếu thuộc các trường hợp sau:	
a) Hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc đối tượng 1 của mục 2 bảng này	5
b) Hộ gia đình có 01 người thuộc đối tượng 1 và trong số những người còn lại có ít nhất 01 người thuộc đối tượng 2 của mục 2 bảng này.	4
c) Hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc đối tượng 2 của mục 2 bảng này và không có người nào thuộc đối tượng 1 của mục 2 bảng này.	3
d) Hộ gia đình có từ 02 người trở lên thuộc đối tượng 3, 4 của mục 2 bảng này mà không có người nào thuộc đối tượng 1, 2 của mục 2 bảng này.	2
e) Hộ gia đình có người là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hàng tháng.	2

3. Căn cứ vào Bảng điểm, thực hiện chấm điểm theo nguyên tắc sau:

a) Số điểm của một hộ gia đình là tổng số điểm (1) + (2) + (3) của Bảng điểm quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Trường hợp hộ gia đình có nhiều người thuộc các nhóm đối tượng khác nhau tại mục 2 của Bảng điểm, thì chọn ra 01 người thuộc nhóm đối tượng có thang điểm cao nhất để tính điểm cho hộ gia đình và được cộng thêm điểm theo quy định tại mục 3 của Bảng điểm.

c) Trường hợp 01 người được chọn để tính điểm theo điểm b khoản này thuộc nhiều nhóm đối tượng khác nhau tại mục (2) của Bảng điểm, thì không được cộng gộp điểm số của các đối tượng lại với nhau, chỉ lấy điểm số của đối tượng có thang điểm cao nhất để tính điểm và được cộng thêm điểm theo quy định tại mục 3 của Bảng điểm.

Ví dụ: Hộ gia đình ông A chưa có nhà ở, có các thành viên: ông A là công chức có trình độ trên đại học và có học hàm Giáo sư; bà B là Nghệ sĩ nhân dân; ông C là người lao động thuộc các thành phần kinh tế khác, được tính điểm như sau:

- Hộ gia đình chưa có nhà ở, nên theo điểm a mục 1 của bảng điểm được chấm 60 điểm (1);

- Ông A thuộc nhóm đối tượng có thang điểm cao nhất, nên là người được chọn để tính điểm cho hộ gia đình, cụ thể: ông A là người thuộc đối tượng 1 của mục 2 bảng điểm, nên được chấm 35 điểm (2);

- Hộ gia đình có 02 người thuộc đối tượng 1 của mục 2 bảng điểm, nên theo điểm a mục 3 của bảng điểm được cộng thêm 5 điểm (3);

Tổng số điểm của hộ gia đình ông A: (1) + (2) + (3) = 60 + 35 + 5 = 100

Điều 10. Thủ tục thuê, thuê mua nhà ở xã hội

1. Các đối tượng thuộc diện được thuê, thuê mua nhà ở xã hội phải có đơn theo mẫu có xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi đang làm việc về đối tượng, mức thu nhập, điều kiện nhà ở; có xác nhận của UBND cấp xã về nơi cư trú và thực trạng nhà ở; bản sao hộ khẩu gia đình.

Trường hợp là hộ gia đình thì kèm theo đơn phải có xác nhận của cơ quan, đơn vị của từng thành viên đã có việc làm trong hộ gia đình về nơi công tác, mức thu nhập hàng tháng.

2. Đối với quỹ nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Nha Trang, người có nhu cầu thuê, thuê mua nộp đơn tại Sở Xây dựng để tổng hợp trình Hội đồng Tư vấn nhà đất tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Đối với quỹ nhà ở xã hội trên địa bàn các huyện, thị xã Cam Ranh thì người có nhu cầu thuê, thuê mua nộp đơn tại Phòng có chức năng quản lý nhà ở các huyện, thị xã Cam Ranh.

4. Sau khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Sở Xây dựng, Phòng có chức năng quản lý nhà ở các huyện, thị xã Cam Ranh có trách nhiệm thông báo cho đơn vị quản lý, vận hành quỹ nhà ở xã hội ký hợp đồng thuê, thuê mua; bàn giao nhà cho người được thuê, thuê mua.

5. Trường hợp không được cơ quan có thẩm quyền giải quyết, Sở Xây dựng, Phòng có chức năng quản lý nhà ở các huyện, thị xã Cam Ranh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người có đơn và cơ quan người đó đang làm việc biết rõ lý do không giải quyết.

Điều 11. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội

1. Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội phải bảo đảm nguyên tắc:

a) Bảo toàn vốn để tiếp tục đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội.

b) Bù đắp đủ các chi phí quản lý, duy tu bảo dưỡng, sửa chữa trong thời gian cho thuê hoặc thuê mua.

c) Phù hợp với khung giá thuê, thuê mua tại Phụ lục 1 của Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ.

2. Chủ đầu tư căn cứ Điều 27 Nghị định số 90/2006/NĐ-CP; mục III phần 2 Thông tư số 05/2006/TT-BXD và các quy định khác của Nhà nước để xây dựng giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, chuyển Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương III
PHÊ DUYỆT VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NHÀ Ở XÃ HỘI

Điều 12. Thẩm định và phê duyệt dự án phát triển nhà ở nhà ở xã hội

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm thẩm định dự án phát triển nhà ở xã hội trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Thời hạn thẩm định:

a) Đối với các công trình xây dựng nhóm B: trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án (không tính thời gian chủ đầu tư phải bổ túc hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thẩm định hồ sơ).

b) Đối với các công trình xây dựng nhóm C: trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án (không tính thời gian chủ đầu tư phải bổ túc hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan thẩm định hồ sơ).

Điều 13. Quản lý dự án và chất lượng công trình đối với dự án phát triển nhà ở xã hội

1. Thực hiện dự án phát triển nhà ở theo quy định tại Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về Quản lý Dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số Điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP.

2. Nghiệm thu, bảo hành công trình dự án phát triển nhà ở phải tuân thủ theo Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Điều 10 Nghị định số 90/2006/NĐ-CP.

3. Trước khi xây dựng công trình chủ đầu tư có trách nhiệm gửi về Sở Xây dựng 01 bộ hồ sơ dự án phát triển nhà ở, thiết kế kỹ thuật để kiểm tra theo dõi. Sau khi nghiệm thu, bàn giao công trình, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi hồ sơ hoàn công công trình cho Sở Xây dựng và đơn vị quản lý vận hành dự án để lưu trữ, kiểm tra, theo dõi.

4. Bảo trì công trình sau khi kết thúc đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Nhà ở, Thông tư số 08/2006/TT-BXD ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Bộ Xây dựng hướng dẫn công tác bảo trì công trình xây dựng.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Chế độ thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn trình tự thủ tục thuê, thuê mua nhà ở xã hội đối với nhà ở xã hội trong khu công nghiệp, khu kinh tế và phân bổ đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở xã hội do các thành phần kinh tế đầu tư không thuộc vốn ngân sách Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh bổ sung đối tượng và các chính sách đầu tư nhà ở xã hội cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và pháp luật hiện hành Nhà nước.

2. Sở Tài chính chịu trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh về giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội.

3. Các dự án khu đô thị mới, khu dân cư, nếu chủ đầu tư chưa nộp tiền sử dụng đất cho nhà nước thì phải thực hiện theo Quy định này. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo cho nhà đầu tư để thực hiện điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng theo Điều 3 của Quy định này.

Điều 15. Thành lập Quỹ phát triển nhà ở

Thành lập Quỹ phát triển nhà ở và tổ chức, hoạt động theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Bộ Xây dựng. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập Quỹ phát triển nhà ở trong quý 2 năm 2009.

Điều 16. Thành lập Hội đồng Tư vấn nhà đất các huyện, thị xã Cam Ranh

Hội đồng Tư vấn nhà đất các huyện, thị xã Cam Ranh do UBND các

huyện, thị xã Cam Ranh quyết định thành lập để thực hiện khoản 3 Điều 10 Quy định này. Phòng có chức năng quản lý nhà các huyện, thị xã Cam Ranh có trách nhiệm tham mưu cho UBND các huyện, thị xã Cam Ranh thành lập Hội đồng Tư vấn cấp huyện.

Điều 17. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ vào ngày 15 tháng 6 và ngày 15 tháng 12 hàng năm và khi kết thúc dự án, chủ đầu tư dự án phát triển nhà phải có báo cáo kết quả thực hiện dự án gửi cơ quan thẩm định phê duyệt dự án, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện.

2. Định kỳ vào ngày 20 tháng 6 và ngày 20 tháng 12 hàng năm, UBND cấp huyện có trách nhiệm thống kê, tổng hợp số liệu về nhà ở trên địa bàn quản lý theo các nội dung tại Phụ lục số 14 và 15 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2006/TT-BXD gửi Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng.

3. Định kỳ vào ngày 30 tháng 6 và ngày 31 tháng 12 hàng năm, Sở Xây dựng có trách nhiệm thống kê, tổng hợp số liệu về nhà ở trên địa bàn toàn tỉnh và báo cáo Bộ Xây dựng.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Võ Lâm Phi